TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2023/DS – ST
Ngày: 27/6/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến

2. Bà Đàm Vân

Thư ký Tòa án: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn : **Ngân hàng A**
Địa chỉ: 266-268 A1, Phường A2, Quận A3, Thành phố M.
Người đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc M1 – Sinh năm 1991 – (theo các Giấy ủy quyền số 3854/2022/GUQ-PL ngày 01/3/2022 và Giấy ủy quyền số 240/2022/UQ-TGĐ ngày 14/6/2022) (xin vắng mặt)

Bị đơn : Bà **Phạm Thị X**– sinh năm 1966
Địa chỉ : LL1C B, Phường B1, Quận B2, Thành phố M (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M1 trình bày:

Ngày 29/10/2008, Bà X có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Visa	472075 - 4467	50,000,000	29/10/2008	2.15 %

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 117,200,000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà X phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 76,250,000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà X vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/06/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là **68,034,669** đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do Bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu Bà X trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 27/06/2023 là **360,412,694 đồng**. Cụ thể là:

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Visa	472075 - 4467	68,034,669	292,378,025	3.225% (2.15% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà X, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà X vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng A đề nghị Quý Tòa giải buộc bà Phạm Thị X phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/06/2023 là **360,412,694 đồng** (Ba trăm sáu mươi triệu bốn trăm mười hai ngàn sáu trăm chín mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc là 68,034,669 đồng; Nợ lãi quá hạn : 292,378,025 đồng.

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/06/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

***** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Phạm Thị X đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 phát biểu:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng A, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn được xác định tại Quận B2, Thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B2 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn :

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 29/10/2008, Ngân hàng A và bà Phạm Thị X có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà X đã thực hiện các giao dịch thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472075-4467 với tổng số tiền là 117.200.000 đồng Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 76.250.000 đồng (bao gồm trả tiền gốc và tiền lãi)

Xét thấy, bà X đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng A cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân với số tiền là 117.200.000 đồng nhưng không thanh toán hết số nợ và các khoản phí, lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, gây thiệt hại cho Ngân hàng nên cần buộc bà X có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng là 360.412.694 đồng (ba trăm sáu mươi triệu bốn trăm mười hai ngàn sáu trăm chín mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 68.034.699 đồng (sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng), nợ quá hạn là 292.378.025 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn không trăm hai mươi lăm đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về số tiền lãi vay và các tiền phí đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ tính đến ngày xét xử và toàn bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 18.020.635 đồng (mười tám triệu không trăm hai mươi ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng). Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

1.1. Bà Phạm Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/10/2008 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) số tiền là **360.412.694 đồng** (ba trăm sáu mươi triệu bốn trăm mười hai ngàn sáu trăm chín mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 68.034.699 đồng (sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng), nợ quá hạn là 292.378.025 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn không trăm hai mươi lăm đồng).

1.2. Việc thanh toán tiền được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí : Án phí dân sự sơ thẩm là 18.020.635 đồng (mười tám triệu không trăm hai mươi ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng) do bà Phạm Thị X chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.410.254 đồng (tám triệu bốn trăm mười ngàn hai trăm năm mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0019102 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B2, Thành phố M.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A, bà Phạm Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP -VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN PHIÊN TÒA**